TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 03-8-2020
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thành Công.

Ông Tô Tiến Quân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Vĩnh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2020/TLST–HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2019 về việc Ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thúy H, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp N, xã H, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Tùng G, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp N, xã H, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thúy H trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thúy H chung sống với ông Nguyễn Tùng G từ năm 1998, hôn nhân có tự nguyện, có đăng ký kết hôn ở Ủy ban nhân dân xã H, huyện Bến Cát (nay là huyện Bàu Bàng), tỉnh Bình Dương vào năm 1998 (theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 09, Quyển số 05). Đến năm 2017, bà H và ông G phát sinh mâu thuẫn về vấn đề tình cảm, kinh tế, ông G thỉnh thoảng có

uống rượu bia, sau khi uống rượu say thì ông G có la mắng vợ con. Hiện vợ chồng đã ly thân, không còn sống chung. Nay, bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà H yêu cầu được ly hôn ông G.

Về con chung: bà H và ông G có hai con chung là cháu Nguyễn Tùng Nhật L, sinh năm 1999 và cháu Nguyễn Ngọc Thiên N, sinh ngày 17-02-2005. Hiện cháu Nguyễn Tùng Nhật L, sinh năm 1999 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Thiên N, sinh ngày 17-02-2005, không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: bà H không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Tùng G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn ông Nguyễn Tùng G đều vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Tùng G trình bày:

Về hôn nhân: ông Nguyễn Tùng G thống nhất với trình bày của bà H về hôn nhân, con chung. Tuy nhiên, ông G cho rằng giữa hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, ông G có một vài lần uống rượu do buồn chuyện công việc. Hiện vợ chồng đã ly thân, không còn sống chung. Nay, trước yêu cầu ly hôn của bà H thì ông G không đồng ý ly hôn vì ông G vẫn còn thương vợ, con.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, ông G đề nghị Tòa án xém xét nguyện vọng của con chung là cháu N, ông G đồng ý giao cháu N cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông G không phải cấp dưỡng cho con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: ông G không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: bà H và ông G đã phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng: yêu cầu khởi kiện của bà H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn là ông Nguyễn Tùng G có nơi cư trú tại ấp N, xã H, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thúy H chung sống với ông Nguyễn Tùng G từ năm 1998, hôn nhân có tự nguyện, có đăng ký kết hôn ở UBND xã H, huyện Bến Cát (nay là huyện Bàu Bàng), tỉnh Bình Dương vào năm 1998 (theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 09, Quyển số 05) nên là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống cho đến năm 2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về vấn đề tình cảm, kinh tế và cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Do đó, có cơ sở xác định: bà H và ông G không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; không còn cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bà H yêu cầu ly hôn với ông G là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: bà H và ông G có hai con chung là cháu Nguyễn Tùng Nhật L, sinh năm 1999 và cháu Nguyễn Ngọc Thiên N, sinh ngày 17-02-2005. Hiện cháu Nguyễn Tùng Nhật L đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Thiên N, sinh ngày 17-02-2005, không yêu cầu ông G cấp dưỡng cho con. Xét, cháu N hiện do bà H nuôi dưỡng và cháu N cũng có nguyện vọng được bà H chăm sóc, nuôi dưỡng, bà H có nghề nghiệp, thu nhập ổn định và đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ giao cháu N cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà H không yêu cầu ông G cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét theo quy định tại các Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thúy H đối với bị đơn ông Nguyễn Tùng G về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thúy H và ông Nguyễn Tùng G.

- Về con chung: giao cháu Nguyễn Ngọc Thiên N, sinh ngày 17-02-2005 cho bà Nguyễn Thúy H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà H không yêu cầu ông G cấp dưỡng cho con.

Ông Nguyễn Tùng G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: các đương sự không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thúy H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thúy H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0021436 ngày 18-02-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bàu Bàng;
- UBND xã H, huyện Bàu Bàng;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án (nếu có);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

Nguyễn Quốc Dũng